



VN-Index giảm nhẹ 0,3%

Ngày báo cáo 30/09/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm nhẹ 0,3%

VN-Index giảm nhẹ 0,3% (-4,8 điểm), chốt phiên tại 1.661,7 điểm. Đà giảm của thị trường đến từ nhóm vốn hóa lớn khi chỉ có 9 trong số các mã VN30 tăng điểm. Toàn sàn ghi nhận 78 mã tăng, 236 mã giảm và 50 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 32,2 nghìn tỷ đồng.

- Ngành vật liệu cơ bản có diễn biến kém tích cực: HPG (-1,6%), GVR (-1,9%), DGC (-2,3%), DCM (-1,5%) và DPM (-3,5%) đều giảm sâu.
- Trong ngành bất động sản, VIC (+1,2%), VHM (+1,1%) và VRE (+7,0%) ghi nhận mức tăng mạnh, trong khi BCM (-0,5%), KDH (-1,3%), KBC (-3,2%), NVL (-2,2%) và PDR (-1,9%) giảm điểm.
- Các mã giảm điểm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm công nghệ FPT (-2,6%), tiện ích GAS (-1,8%), dầu khí BSR (-2,6%), tập đoàn thực phẩm và đồ uống MSN (-0,9%), ngân hàng VCB (-0,9%) và công ty công nghiệp GMD (-2,7%).
- Các mã tăng điểm nổi bật bao gồm ngân hàng LPB (+3,6%), công ty công nghiệp GEE (+6,9%), bán lẻ MWG (+0,9%), công ty chứng khoán SSI (+2,7%) và tiện ích REE (+0,8%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- BWE: Trúng hai dự án tại Phú Quốc
- HDC: Cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng 12%, thay thế cho kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu đã được ĐHCĐ thông qua; LNST sơ bộ quý 3/2025 đã vượt kế hoạch cả năm 2025 - Báo cáo ĐHCĐ bất thường

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1661,7	273,2	109,5
% Δ	-0,3%	-0,7%	0,2%
- % Δ 1 tuần	1,6%	0,1%	-0,5%
- % YTD	31,2%	20,1%	15,1%
- % YOY	29,0%	16,3%	17,0%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.222,2	\$103,4	\$25,2
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.290,0	\$102,4	\$27,7
- TB 1 năm (triệu)	\$884,4	\$61,9	\$33,9
- TB QTD	\$1.497,6	\$118,3	\$43,9
- % TB QTD/TB quý gần nhất	78,7%	118,6%	38,6%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$114,2	\$6,1	\$0,8
- Bán (triệu)	\$162,8	\$5,4	\$1,0
- GT ròng (triệu)	-\$48,7	\$0,7	-\$0,1
Độ rộng TT			
Mã tăng	89	71	157
Mã giảm	249	112	196
Không đổi	76	124	566
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	274,1	17,7	54,0
P/E trượt 12T	15,1	27,0	15,3
LS cổ tức*	2,2%	3,2%	4,5%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
4111FA000	1.854,4	32.788	2075,6
4111FB000	1.853,6	783	2,9
VN30F2512	1.847,3	1.420	1,6
41IG3000	1.830,0	306	0,7
USD/VND			26.420

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Đà tăng bị cản trở bởi hoạt động bán quanh vùng 1.675 điểm nhưng đà điều chỉnh trong ngày được thu hẹp nhờ lực cầu giá thấp tại vùng 1.655-1.660 điểm. Trong ngày mai, chỉ số VN-Index sẽ có diễn biến tương tự phiên 30/09, dao động trong biên độ 1.655-1.675 điểm nhằm tiếp tục thăm dò mức độ mạnh/yếu của hai bên cung cầu.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

BWE: Trúng hai dự án tại Phú Quốc

* Ngày 24/09/2025, Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (BWE) đã được lựa chọn để triển khai hai dự án hạ tầng phục vụ APEC 2027 tại Phú Quốc. Tỷ lệ sở hữu tiềm năng là 100%. Vốn đầu tư và các chi tiết cụ thể chưa được công bố.

1. Nhà máy nước hồ Cửa Cạn – cung cấp nước chất lượng cao cho người dân địa phương, du lịch và dịch vụ. Công suất tiềm năng 45.000 m³/ngày, tương đương khoảng 6% tổng công suất hiện tại của BWE.

2. Khu xử lý chất thải Bãi Bồn – công suất 250 tấn/ngày, tương đương khoảng 10% tổng công suất hiện tại của BWE.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Những dự án này cho thấy năng lực mở rộng của BWE và sẽ góp phần thúc đẩy lợi nhuận dài hạn. Chúng tôi hiện có khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu BWE.

HDC: Cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng 12%, thay thế cho kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu đã được ĐHCĐ thông qua; LNST sơ bộ quý 3/2025 đã vượt kế hoạch cả năm 2025 - Báo cáo ĐHCĐ bất thường

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ bất thường trực tuyến của CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC) vào ngày 30/09.

* Trong đó, các đề xuất sau đã được cổ đông thông qua:

- **Phát hành cổ phiếu thưởng:** Cổ đông thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 12% trên số cổ phiếu đang lưu hành (tương đương 21,4 triệu cổ phiếu), nguồn vốn lấy từ thặng dư vốn và quỹ đầu tư phát triển. Thời gian thực hiện: tùy thuộc vào sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

- **Hủy kế hoạch chia cổ tức cho năm tài chính 2024:** Cổ đông đã thông qua đề xuất hủy kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu 12% (tương đương 21,4 triệu cổ phiếu) đã được ĐHCĐ thường niên tháng 5/2025 phê duyệt, do LNST chưa phân phối tính đến cuối năm 2024 trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (128,67 tỷ đồng trong báo cáo tài chính riêng và 66,9 tỷ đồng trong báo cáo tài chính hợp nhất) không đủ để thực hiện kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu ban đầu.

- **Điều chỉnh kế hoạch phân phối lợi nhuận đã thông qua tại ĐHCĐ tháng 5/2025:** Cổ đông đã thông qua Đề xuất hủy hoàn nhập từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận chưa phân phối để chia cổ tức, do các quy định yêu cầu việc chia cổ tức phải dựa trên lợi nhuận chưa phân phối tính đến cuối năm 2024 trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

*** Một số điểm chính từ phần thảo luận của ban lãnh đạo tại ĐHCĐ bất thường:**

- **LNST sơ bộ quý 3/2025 vượt kế hoạch được thông qua tại ĐHCĐ năm 2025:** Ban lãnh đạo cho biết LNST sơ bộ quý 3/2025 khoảng 533 tỷ đồng (gấp 11 lần so với LNST cả năm 2024 và cao hơn 26% so với kế hoạch cả năm 2025), chủ yếu nhờ ghi nhận chuyển nhượng cổ phần tại dự án Đại Dương. Theo đó, **LNST sơ bộ 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025) đạt 605 tỷ đồng (gấp 9,3 lần YoY).**

- Về dự kiến cho cả năm 2025, ban lãnh đạo ước tính sơ bộ LNST ở mức 608 tỷ đồng (gấp 9 lần YoY), tương đương 143% kế hoạch năm 2025 đã được ĐHCĐ thông qua. Ước tính này cao hơn so với dự báo năm 2025 của chúng tôi, chủ yếu do việc ghi nhận sớm hơn kỳ vọng từ việc bán cổ phần tại dự án Đại Dương.

- Đối với kế hoạch năm 2026, ban lãnh đạo kỳ vọng lợi nhuận của HDC sẽ được hỗ trợ bởi việc chuyển nhượng dự án Thống Nhất (trước đó dự kiến thực hiện vào năm 2025) và hoạt động bán giao BDS tại các dự án The Light City giai đoạn 1, Ngọc Tước 2, Tây 3/2 và dự án nhà ở xã hội Ecotown Phú Mỹ (Eco Home CC1).

- Doanh số bán hàng dự kiến sẽ phục hồi trong quý 4/2025 nhờ đợt mở bán tiếp theo của dự án The Light City giai đoạn 1 và việc mở bán dự án Eco Home CC1: Trong 9T 2025, hoạt động bán hàng chỉ ở một số ít sản phẩm tại dự án Ngọc Tước 2 và The Light City giai đoạn 1. Đối với quý 4/2025, ban lãnh đạo dự kiến sẽ triển khai đợt mở bán tiếp theo tại The Light City giai đoạn 1 (~40 căn thấp tầng) và bắt đầu mở bán dự án Eco Home CC1. Trong năm 2026, công ty đặt mục tiêu sẽ mở bán gần 200 sản phẩm tại The Light City giai đoạn 1, tùy thuộc vào tiến độ pháp lý và điều kiện thị trường.

- **Cập nhật về kế hoạch trái phiếu chuyển đổi cho các cổ đông hiện hữu (tối đa 500 tỷ đồng):** HDC đã nộp hồ sơ lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và kỳ vọng sẽ nhận được phê duyệt trong tháng 10/2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
PTB	Công nghiệp	12%	121	0,4	47.800	71.000	49%	5,0%	54%	MUA	14/03/25	7,3	6,5	15,7	1,1
IDC	KCN	34%	553	3,3	38.500	56.100	46%	5,2%	51%	MUA	15/08/25	9,3	7,5	23,0	2,5
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	79%	473	4,7	55.700	81.700	47%	3,6%	50%	MUA	17/02/25	8,4	6,1	16,0	1,3
NLG	Bất động sản	5%	586	4,8	40.200	58.600	46%	1,2%	47%	MUA	14/08/25	23,2	22,2	23,0	1,6
PLX	Xăng dầu	4%	1.645	2,3	34.200	47.800	40%	3,5%	43%	MUA	04/08/25	19,4	11,7	23,5	1,7
DGC	Công nghiệp	37%	1.320	7,1	91.800	126.000	37%	3,3%	41%	MUA	25/07/25	11,0	9,2	15,5	2,4
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	42%	2.194	1,8	45.200	58.000	28%	11,1%	39%	MUA	10/09/25	13,4	12,8	16,0	2,7
KDH	Bất động sản	19%	1.436	7,1	33.800	47.100	39%	0,0%	39%	MUA	22/08/25	39,8	33,5	23,0	2,2
SIP	KCN	45%	506	0,8	55.200	73.900	34%	3,6%	38%	MUA	18/06/25	11,9	11,2	23,0	2,8
ACV	Hàng không	46%	7.620	1,4	55.900	74.300	33%	0,0%	33%	KQ	13/08/25	17,0	14,9	13,8	3,2
ACG	Gỗ	12%	204	0,0	35.800	45.800	28%	4,7%	33%	MUA	15/07/25	9,9	8,9	15,7	1,3
FPT	CNTT	12%	5.996	51,0	93.000	121.200	30%	2,2%	32%	KQ	14/08/25	17,3	14,9	17,2	4,8
DCM	Phân bón	42%	744	4,1	37.150	46.600	25%	5,4%	31%	MUA	17/09/25	10,5	8,5	15,5	1,9
TV2	Điện & Nước	7%	88	0,3	34.500	43.900	27%	2,9%	30%	MUA	18/09/25	54,5	13,7	13,8	1,8
GAS	Dầu khí	47%	5.516	1,9	60.400	76.100	26%	4,1%	30%	KQ	13/08/25	12,2	11,4	12,9	2,2
PNJ	Bán lẻ	0%	1.063	2,3	83.100	105.900	27%	2,4%	30%	MUA	14/08/25	14,1	12,8	10,9	2,4
FRT	Bán lẻ	18%	825	3,9	128.000	165.300	29%	0,0%	29%	MUA	03/09/25	30,6	18,8	14,9	7,6
HPG	VLXD	30%	8.178	87,2	28.150	35.300	25%	2,8%	28%	MUA	14/08/25	13,4	10,1	15,7	1,8
SZC	KCN	17%	231	1,7	33.850	42.400	25%	3,0%	28%	KQ	01/07/25	21,0	17,3	23,0	2,0
PVS	Dầu khí	39%	593	5,2	32.800	41.600	27%	0,0%	27%	MUA	08/08/25	18,9	15,4	23,5	1,1
ACB	Ngân hàng	0%	4.958	18,2	25.500	31.200	22%	3,9%	26%	MUA	18/08/25	7,3	6,1	12,8	1,5
TLG	Văn phòng phẩm	87%	175	0,5	52.700	62.800	19%	6,6%	26%	MUA	12/09/25	9,6	8,4	10,9	1,9
DXG	Bất động sản	27%	798	21,4	20.700	26.000	26%	0,0%	26%	KQ	29/08/25	82,5	46,9	23,0	1,7
VCB	Ngân hàng	8%	19.608	17,7	62.000	77.600	25%	0,0%	25%	MUA	25/08/25	15,4	13,1	12,8	2,4
MSN	Bán lẻ	76%	4.433	32,2	81.000	101.200	25%	0,0%	25%	MUA	21/05/25	43,1	27,6	13,8	3,6

PHR	Công nghiệp	35%	284	0,6	55.300	67.400	22%	2,4%	24%	KQ	25/06/25	15,2	10,3	15,5	2,0
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.746	13,3	60.000	70.300	17%	6,7%	24%	MUA	24/04/25	15,0	14,3	16,0	4,0
DPG	Điện & Nước	44%	174	3,1	45.500	55.200	21%	2,2%	24%	MUA	04/09/25	13,4	6,0	17,5	2,3
QTP	Điện & Nước	48%	224	0,2	13.200	15.000	14%	9,1%	23%	MUA	02/06/25	10,1	9,4	12,9	1,1
PPC	Điện & Nước	44%	130	0,2	10.700	12.400	16%	5,6%	21%	PHTT	02/06/25	14,7	6,5	12,9	0,8
PC1	Điện & Nước	36%	347	3,3	25.600	31.100	21%	0,0%	21%	KQ	05/08/25	17,8	10,5	17,5	1,6
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	659	0,2	47.600	53.400	12%	8,4%	21%	KQ	30/08/24	6,9	6,8	16,0	1,8
VPB	Ngân hàng	6%	9.339	54,6	31.100	37.000	19%	1,6%	21%	PHTT	21/08/25	13,0	10,0	12,8	1,7
DPM	Phân bón	43%	646	3,3	25.100	29.000	16%	4,8%	20%	KQ	17/09/25	19,0	13,7	15,5	1,5
VEA	Ô-tô	47%	1.974	0,9	39.300	42.200	7%	12,3%	20%	PHTT	20/09/24	7,5	6,9	13,8	1,8
OIL	Dầu khí	6%	434	1,1	11.200	13.300	19%	0,9%	20%	KQ	21/07/25	243,5	24,2	23,5	1,1
CTR	CNTT	43%	371	1,2	85.700	100.400	17%	2,3%	19%	KQ	12/09/25	22,2	19,1	17,5	4,9
BMP	VLXD	15%	444	0,7	143.400	155.400	8%	10,1%	18%	KQ	04/09/25	9,7	9,9	17,5	4,2
BMI	Bảo hiểm	22%	113	0,5	22.550	26.200	16%	2,2%	18%	MUA	12/04/24	9,2	7,9	16,3	1,1
VGC	KCN	43%	969	2,4	57.100	65.300	14%	3,9%	18%	PHTT	19/08/25	18,0	13,0	17,5	2,9
CTG	Ngân hàng	4%	10.325	17,9	50.800	60.000	18%	0,0%	18%	MUA	18/08/25	10,3	8,7	12,8	1,7
SCS	DV Hàng không	16%	223	0,5	62.000	67.000	8%	9,7%	18%	KQ	29/05/25	8,6	8,4	18,4	4,4
HDG	Điện & Nước	31%	452	6,8	32.300	37.770	17%	0,0%	17%	MUA	11/09/25	16,5	10,4	23,0	1,9
PVT	Dầu khí	40%	323	2,6	18.150	21.200	17%	0,0%	17%	KQ	13/08/25	8,7	7,2	13,8	1,1
DGW	Bán lẻ	27%	342	3,7	41.200	47.400	15%	1,2%	16%	PHTT	23/07/25	16,9	12,8	14,9	2,9
AST	DV Hàng không	4%	124	0,0	72.700	80.600	11%	4,8%	16%	MUA	26/08/25	15,1	12,7	14,9	5,7
MBB	Ngân hàng	1%	7.988	29,8	26.200	30.000	15%	1,1%	16%	KQ	25/08/25	8,2	6,7	12,8	1,7
PVD	Dầu khí	45%	464	7,4	22.050	24.900	13%	2,3%	15%	KQ	11/08/25	17,2	12,9	23,5	0,7
DHC	Công nghiệp	14%	128	0,7	34.900	39.100	12%	3,2%	15%	MUA	21/08/25	10,4	9,5	15,7	1,6
DXS	Bất động sản	30%	269	1,8	12.250	14.100	15%	0,0%	15%	KQ	29/08/25	17,3	14,3	23,0	1,1
KBC	KCN	37%	1.287	13,7	36.100	41.500	15%	0,0%	15%	MUA	11/08/25	19,1	11,8	23,0	1,4
GVR	Công nghiệp	13%	4.194	2,7	27.700	31.200	13%	1,4%	14%	PHTT	04/07/25	25,8	23,2	15,5	2,0
HDB	Ngân hàng	1%	4.101	20,0	31.000	34.000	10%	3,2%	13%	KQ	08/09/25	6,7	5,7	12,8	1,7
BWE	Điện & Nước	41%	404	1,0	48.500	53.100	9%	2,7%	12%	KQ	11/08/25	16,0	11,3	12,9	2,0

BID	Ngân hàng	13%	10.630	9,3	40.000	44.800	12%	0,0%	12%	MUA	26/05/25	12,1	11,3	12,8	1,8
PLC	Dầu khí	48%	90	0,5	29.400	31.900	9%	3,4%	12%	MUA	12/09/25	18,8	9,4	15,5	1,9
REE	Điện & Nước	0%	1.343	2,4	65.500	72.200	10%	1,5%	12%	PHTT	15/08/25	13,9	11,6	13,8	1,8
TCB	Ngân hàng	0%	10.152	31,7	37.850	40.800	8%	2,6%	10%	KQ	11/08/25	10,6	8,8	12,8	1,7
STB	Ngân hàng	12%	4.060	22,8	56.900	62.400	10%	0,0%	10%	KQ	25/08/25	8,4	4,5	12,8	1,8
SSI	Chứng khoán	62%	3.029	65,7	38.550	40.800	6%	2,6%	8%	KQ	27/08/25	20,1	15,5	22,9	2,8
NT2	Điện & Nước	38%	255	1,7	23.400	23.500	0%	6,4%	7%	MUA	18/07/25	14,2	8,7	12,9	1,6
HVN	Hàng không	21%	4.122	3,1	35.000	37.100	6%	0,0%	6%	KQ	22/07/25	9,1	12,6	18,4	-29,0
VIB	Ngân hàng	0%	2.564	11,0	19.900	20.800	5%	0,0%	5%	KQ	23/05/25	7,6	6,7	12,8	1,6
BVH	Bảo hiểm	22%	1.554	0,8	55.300	56.900	3%	1,6%	5%	KQ	26/05/25	15,6	13,1	16,3	1,7
POW	Điện & Nước	46%	1.272	8,0	14.350	14.800	3%	0,0%	3%	KQ	02/06/25	26,9	18,0	12,9	1,0
MWG	Bán lẻ	2%	4.348	27,6	77.700	78.300	1%	1,3%	2%	MUA	30/05/25	20,7	15,9	14,9	3,9
TDM	Điện & Nước	48%	248	0,0	59.000	58.600	-1%	2,4%	2%	PHTT	11/08/25	32,4	23,2	12,9	2,6
STK	Dệt may	82%	93	0,1	25.400	25.500	0%	0,0%	0%	KQ	17/01/25	30,5	17,1	15,5	1,4
GMD	GTVT	7%	1.080	8,2	67.900	65.700	-3%	3,2%	0%	KQ	31/07/25	20,6	21,0	13,8	2,3
VRE	Bất động sản	32%	2.761	5,1	32.100	31.300	-2%	0,0%	-2%	PHTT	29/08/25	16,2	14,7	23,0	1,7
VHM	Bất động sản	40%	16.013	18,5	103.000	98.700	-4%	0,0%	-4%	PHTT	29/08/25	12,0	11,4	23,0	2,0
GEX	Điện & Nước	42%	1.896	20,4	55.500	52.300	-6%	0,9%	-5%	PHTT	21/08/25	33,0	28,8	13,8	3,4
VJC	Hàng không	23%	2.902	11,1	129.600	114.000	-12%	0,0%	-12%	KQ	15/03/24	18,7	14,5	18,4	3,2
TPB	Ngân hàng	5%	1.885	17,1	18.850	16.500	-12%	0,0%	-12%	MUA	27/05/25	7,5	6,9	12,8	1,3
HDC	Bất động sản	44%	245	6,3	36.350	30.400	-16%	0,0%	-16%	KQ	21/03/25	37,8	21,9	23,0	2,8
BSR	Lọc hóa dầu	48%	3.075	10,1	26.200	20.100	-23%	0,0%	-23%	BÁN	28/08/25	27,4	20,7	23,5	1,4
NKG	VLXD	44%	298	16,3	17.600	13.100	-26%	0,0%	-26%	PHTT	18/04/25	18,4	13,6	15,7	1,0
HSG	VLXD	40%	447	9,1	19.000	13.500	-29%	2,6%	-26%	PHTT	18/04/25	23,8	20,1	15,7	1,1
VIC	Bất động sản	44%	25.507	21,0	174.900	127.900	-27%	0,0%	-27%	PHTT	29/08/25	50,5	49,2	23,0	4,7
VTP	GTVT	44%	453	1,9	98.200	69.000	-30%	1,5%	-28%	PHTT	06/09/24	33,8	28,9	13,8	7,1
LPB	Ngân hàng	4%	5.597	4,5	49.500	29.800	-40%	0,0%	-40%	BÁN	18/08/25	14,5	14,3	12,8	3,6

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKO: KÉM KHẢ QUAN, KDG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	34	84.485	2.485	11	15,1	13,3	11,1	16,1	2,1	25,5	16,6	12,0	2,3	3,1%
KHẢ QUAN	30	68.190	2.273	11	12,7	11,4	9,5	13,1	2,2	24,8	25,8	14,0	1,2	2,2%
PHÙ HỢP TT	15	65.912	4.394	4	21,9	19,1	17,0	17,6	2,5	23,4	22,0	18,3	2,5	2,3%
KÉM KHẢ QUAN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
BÁN	2	8.672	4.336	0	23,2	17,4	16,1	11,5	2,4	72,2	21,0	17,5	2,5	0,0%
TỔNG CỘNG	81	227.259	2.806	26	15,9	14,0	11,8	15,2	2,2	26,0	21,1	14,0	1,9	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	91.208	7.601	11	12,2	10,7	8,8	12,0	1,9	11,6	10,2	8,6	1,9	1,0%
Bảo hiểm	2	1.667	833	1	18,7	14,9	12,6	15,4	1,7	16,5	12,4	10,5	1,4	1,9%
Chứng khoán	1	3.029	3.029	1	30,9	20,1	15,5	21,3	2,8	30,9	20,1	15,5	2,8	2,6%
Tiêu dùng	13	27.600	2.123	5	18,2	16,1	13,8	19,4	3,3	23,2	17,4	13,6	3,3	4,5%
Bất động sản	8	47.615	5.952	2	26,0	22,7	21,4	19,5	2,8	48,1	34,9	26,8	2,2	0,2%
Vật liệu	4	9.367	2.342	1	18,1	13,6	10,4	16,4	1,7	16,8	16,3	13,4	2,0	3,9%
Điện & Nước	12	6.832	569	1	24,0	19,8	14,1	20,9	1,7	31,0	22,0	13,2	1,8	2,8%
Dầu khí	10	13.531	1.353	2	19,5	15,8	12,8	18,1	1,6	35,1	39,5	13,5	1,5	2,4%
Công nghiệp	5	1.866	373	0	12,9	10,8	9,1	14,4	1,9	20,5	13,8	10,2	1,5	3,2%
Khu công nghiệp	7	8.023	1.146	1	22,9	19,3	15,3	22,7	2,0	26,3	17,2	13,5	2,2	2,8%
GTVT & Logistics	7	16.523	2.360	1	12,5	14,3	14,5	16,2	4,4	19,9	17,5	16,1	-0,4	2,8%
TỔNG CỘNG	81	227.259	2.806	26	15,9	14,0	11,8	15,2	2,2	26,0	21,1	14,0	1,9	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q2 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	2%	8%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn; sẵn sàng cho đà phục hồi NIM
BID	3%	3%	MUA		Lợi nhuận đạt kỳ vọng nhưng chất lượng tài sản chưa được cải thiện.
CTG	46%	18%	MUA	MUA	Tăng trưởng lợi nhuận đột biến vượt kỳ vọng nhờ chi phí tín dụng giảm mạnh.
HDB	25%	22%	MUA		NIM cải thiện, thu nhập ngoài lãi mạnh mẽ hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận
LPB	4%	10%	KKQ	BÁN	KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
MBB	22%	13%	MUA	KQ	Lợi thế cạnh tranh vững chắc thúc đẩy triển vọng tăng trưởng
STB	35%	27%	MUA		Lợi nhuận quý 2 tăng trưởng mạnh, phù hợp với kỳ vọng; hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện
TCB	-2%	17%	MUA	KQ	KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
TPB	11%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ nhờ cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
VCB	5%	9%	MUA		KQKD phù hợp với kỳ vọng; tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong Q2.
VIB	8%	9%	KQ		KQKD phù hợp với dự phóng của chúng tôi; mảng khách hàng doanh nghiệp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong 6T 2025
VPB	24%	21%	MUA	PHTT	Định giá phản ánh triển vọng tăng trưởng khả quan hơn nhờ chính sách thuế quan rõ ràng hơn
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-4%	50%	MUA		Thu nhập cổ tức thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ so với quý trước
BVH	36%	23%	KQ		Tăng trưởng phí bảo hiểm nhân thọ tiếp tục phục hồi; chi phí dự phòng kỹ thuật thấp hơn giúp cải thiện biên lợi nhuận HDKD bảo hiểm
SSI	12%	13%	MUA		Thị phần môi giới quý 2/2025 đạt mức cao nhất trong 3 năm
Tiêu dùng					
CTR	11%	9%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 11% YoY nhờ đà tăng trưởng ổn định của mảng hạ tầng cho thuê
DGW	22%	23%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 22% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi
FPT	19%	16%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 20% YoY dù tăng trưởng doanh thu mảng CNTT nước ngoài giảm tốc, chỉ đạt 14% YoY
FRT	337%	124%	MUA	MUA	Biên lợi nhuận của Long Châu cải thiện, nhưng lợi nhuận của FPT Shop thấp hơn kỳ vọng
MSN (2)	135%	122%	MUA		MCH tạm chững lại trong quý 2/2025 ; cộng hưởng tiêu dùng - bán lẻ giúp cải tiến phân phối và sản phẩm

MWG	54%	35%	MUA		Mảng điện máy gia tăng thị phần nhờ dịch vụ gia tăng; BHX giảm tốc mở rộng trong tháng 6 để chuẩn bị tối ưu hóa
PNJ	-4%	-5%	MUA	MUA	LNST nửa đầu năm 2025 giảm 4% YoY dù doanh thu bán lẻ tăng 6% YoY, phù hợp với kỳ vọng
QNS	-23%	0%	KQ		Mảng sữa đậu nành tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng; mảng đường yếu nhưng có cải thiện
SAB	-11%	9%	MUA		Biên lợi nhuận gộp mảng bia cải thiện một phần bù đắp sản lượng bia giảm
TLG	-9%	3%	MUA	MUA	Xuất khẩu phục hồi mạnh so với quý trước; biên lợi nhuận gộp trong nước đạt kỷ lục
VEA	5%	11%	PHTT		Lợi nhuận nửa đầu năm tăng 5% YoY nhờ đà tăng trong doanh số của Toyota và Ford
VHC	0%	21%	MUA		
VNM	-17%	6%	MUA		Doanh thu trong nước phục hồi sau tái cơ cấu kênh phân phối; tung nhiều sản phẩm mới
GTVT & Logistics					
ACV	-7%	-14%	MUA	KQ	Doanh thu tăng trưởng khả quan, nhưng lỗ tỷ giá ảnh hưởng lợi nhuận
AST	73%	51%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 92% YoY, vượt dự báo
GMD (2)	41%	-3%	KQ		LNST của Gemalink thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng, nhưng hiệu quả chi phí SG&A hỗ trợ cho lợi nhuận quý 2; lợi nhuận nửa đầu năm phù hợp với dự phóng
HVN	20%	13%	PHTT		Biên lợi nhuận gộp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng; hoạt động tái cấp vốn giúp củng cố bảng cân đối kế toán
SCS	7%	-1%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận đi ngang so với cùng kỳ trong quý 2 do hết ưu đãi thuế; phù hợp với kỳ vọng
VJC	56%	6%	KQ		Doanh thu duy trì ổn định với biên lợi nhuận cải thiện
VTP	16%	15%	PHTT		Mảng chuyển phát dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 16% YoY trong nửa đầu năm 2025
Bất động sản					
DXG	107%	-13%	KQ	KQ	Lợi nhuận 6 tháng đầu năm phù hợp kỳ vọng
DXS	3,7x	224%	KQ	KQ	Mảng môi giới phục hồi mạnh mẽ, ghi nhận doanh thu từ bàn giao bất động sản cao hơn và biên lợi nhuận cải thiện thúc đẩy lợi nhuận 6 tháng đầu năm
HDC	-2%	145%	KQ		Ghi nhận chuyển nhượng một phần tại dự án Đại Dương thúc đẩy lợi nhuận quý 2, bù đắp hoạt động bàn giao BĐS kém khả quan
KDH	-6%	17%	MUA	MUA	Quý đất chiến lược tại trung tâm TP. HCM thúc đẩy tăng trưởng dài hạn
NLG	218%	35%	MUA	MUA	Thị trường phục hồi, quỹ đất sẵn sàng dự kiến thúc đẩy triển vọng doanh số bán hàng
VHM	-8%	17%	PHTT	PHTT	Triển khai mở bán các dự án mới thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận, doanh số bán hàng
VIC	45%	8%	PHTT	PHTT	Lợi nhuận mảng BĐS mạnh mẽ; Chủ tịch HĐQT tăng cường hỗ trợ vốn trong 6T cuối 2025
VRE	15%	10%	KQ	PHTT	TTTM mới khai trương trong 6T cuối 2025; mảng bán BĐS hỗ trợ thêm lợi nhuận từ năm 2026
Khu công nghiệp					
GVR	100%	8%	PHTT		KQKD khả quan của mảng cao su & thu nhập ròng khác từ thanh lý cây dẫn dắt đà tăng trưởng của lợi nhuận trong nửa đầu năm 2025

IDC	-43%	-21%	MUA	MUA	Triển vọng doanh số cho thuê đất KCN khả quan; quỹ đất lớn tạo động lực tăng trưởng
KBC	663%	280%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán các dự án mới dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh
PHR	35%	19%	KQ		Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA		Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	32%	4%	KQ		Bàn giao đất KCN dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 6 tháng đầu năm; phù hợp với kỳ vọng
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
BMP	31%	24%	KQ	KQ	Biên lợi nhuận dự kiến duy trì ở mức cao nhờ chi phí đầu vào thấp; cổ tức tiền mặt cao
DGC	10%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 10% YoY trong 6T 2025, phù hợp kỳ vọng
DHC	37%	34%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng mạnh 37% YoY nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng
DRC	23%	35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2025 tăng 27% QoQ và 28% YoY; phù hợp với kỳ vọng
HPG	-19%	-2%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 cải thiện QoQ từ mức lỗ trong quý 1, nhưng vẫn giảm YoY
HSG (1)	-68%	-26%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 giảm mạnh 50% QoQ và 93% YoY; thấp hơn kỳ vọng
NKG	16%	27%	MUA		LNTT tăng 15% YoY, mảng gỗ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính
PTB	N.M.	386%	KQ		Sản lượng bán hàng thấp hơn kỳ vọng; lỗ tỷ giá ăn mòn biên lợi nhuận gộp đang phục hồi
STK	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
Điện & Nước					
BWE (2)	27%	14%	PHTT	KQ	LNST quý 2 tăng gấp đôi YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
GEX	-6%	-6%	KQ	PHTT	Lợi nhuận thuần cốt lõi tăng trưởng mạnh từ GEE, VGC, VCW thúc đẩy LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 2 của GEX tăng mạnh 3.1 lần YoY
HDG	-54%	115%	MUA	MUA	Chi phí sử dụng đất bổ sung và lỗ tỷ giá gây ảnh hưởng đến LNST quý 2, tuy nhiên công ty ghi nhận nhiều diễn biến tích cực tại dự án Infra 1
NT2	N.M.	492%	KQ	MUA	Mức tăng cao vượt kỳ vọng của sản lượng điện hợp đồng là động lực chính thúc đẩy LNST tăng gấp 2.7 lần YoY; triển vọng tăng trưởng lớn
PC1	-19%	19%	MUA	KQ	Biên lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện phục hồi, phù hợp với dự báo
POW	52%	19%	KQ		Mức tăng mạnh của tỷ lệ Qc cam kết bù đắp cho khoản lỗ tỷ giá, thúc đẩy đà tăng trưởng của LNST quý 2
PPC	-77%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm 2025 giảm 77% YoY do sản lượng thấp, phù hợp với kỳ vọng
QTP	-7%	-5%	MUA		LNTT 6T 2025 cao hơn một chút so với kỳ vọng với mức tăng 5%, được hỗ trợ bởi chi phí đầu vào và chi phí bảo trì thấp hơn

REE	48%	29%	MUA	PHTT	Sản lượng thủy điện cao thúc đẩy LNST tăng mạnh YoY trong quý 2
TDM (2)	-26%	-57%	PHTT	PHTT	Thu nhập cổ tức thúc đẩy lợi nhuận 6T 2025; M&A Biwase Long An
TV2	-42%	4%	PHTT	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 giảm mạnh 43% YoY, KQKD thấp hơn so với dự báo
DPG	28%	52%	KQ	MUA	Mảng năng lượng & xây dựng ghi nhận đà tăng trưởng mạnh, cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
VGC	109%	35%	KQ	PHTT	Doanh thu cho thuê đất KCN tăng mạnh vượt kỳ vọng giữa bối cảnh thuế quan bất lợi, biên lợi nhuận gộp cao thúc đẩy LNST quý 2 tăng 2.8 lần YoY
Dầu khí					
BSR	-35%	370%	KQ	BÁN	Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tăng gấp đôi sau đợt bảo dưỡng tổng thể, nhưng lợi nhuận giai đoạn nửa đầu năm vẫn khá thấp
DCM (2)	31%	21%	MUA	MUA	LNST cốt lõi quý 2 gần như tăng gấp đôi YoY nhờ ASP urê tăng mạnh và sản lượng NPK tăng mạnh
DPM	23%	69%	KQ	KQ	Giá bán trung bình của urê tăng mạnh thúc đẩy LNST tăng mạnh, tiềm năng tăng dự báo rõ rệt
GAS	29%	17%	MUA	KQ	Hoàn nhập dự phòng hỗ trợ tăng trưởng LNST mặc dù sản lượng bán/giá FO giảm; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ dự báo
OIL (2)	-34%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng gấp đôi YoY nhờ sản lượng tăng, vượt dự báo
PLX (2)	-37%	-6%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 đạt mức cao nhất trong 3 năm qua nhờ mức tăng trưởng của thị phần bất chấp giá dầu biến động; tiềm năng tăng dự báo rõ ràng
PLC	311%	193%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ mảng nhựa đường phục hồi trong xu hướng tăng đầu tư công
PVD (2)	-16%	4%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 71% YoY nhờ dịch vụ giếng khoan tăng mạnh, khoản lợi nhuận bất thường; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	50%	21%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng mạnh 85% YoY nhờ biên lợi nhuận mảng M&C và lãi tỷ giá tăng mạnh, vượt kỳ vọng
PVT (2)	-12%	3%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm giảm 2% YoY dù doanh thu tăng mạnh, phù hợp kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng EPS quý 2/năm tài chính 2025 so với quý 2/năm tài chính 2024. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.661,7	-4,8
VN 30	1.863,1	0,9
VN Mid	2.463,6	-24,4
VNSmall	1.585,1	-16,3

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	273,2	-2,0
HNX30	592,5	-5,7
VNX Allshare	2.862,3	-5,9

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	109,5	0,2

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.072,5	9,5%
Khối ngoại mua	3.016,0	9,3%
Khối ngoại bán	4.302,2	13,3%
Tổng giao dịch	32.290,5	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	363,4	13,3%
Khối ngoại mua	161,2	5,9%
Khối ngoại bán	143,3	5,2%
Tổng giao dịch	2.732,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	149,7	22,5%
Khối ngoại mua	22,4	3,4%
Khối ngoại bán	25,7	3,9%
Tổng giao dịch	666,0	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VRE	2.100	7,0%
GEE	8.300	7,0%
TCI	500	4,7%
ANV	1.150	4,2%
LPB	1.700	3,6%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
L40	7.200	9,3%
MBS	1.400	4,3%
NRC	200	3,1%
CAP	1.200	2,7%
IPA	400	2,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
ABI	884	4,3%
CTX	617	3,4%
BVL	472	2,5%
ABB	33	0,3%
HNG	7	0,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SGR	-1.750	-6,8%
TDH	-360	-6,6%
DXG	-1.150	-5,3%
SJS	-3.700	-5,2%
FCN	-900	-4,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VC7	-600	-4,8%
TIG	-400	-4,4%
L14	-1.600	-4,3%
BKC	-1.100	-3,7%
HUT	-600	-3,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
APF	-4.204	-10,1%
BTH	-2.996	-4,2%
AAS	-458	-4,1%
G36	-434	-3,9%
C4G	-301	-3,1%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHB	1.714
HPG	1.600
CII	1.515
SSI	1.462
FPT	1.313

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
CEO	724
SHS	691
MBS	317
IDC	225
PVS	162

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
BVL	105
ACV	71
MSR	67
BVB	39
ABB	29

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
APH	3.924.018	828.194
VRE	18.178.534	4.487.509
DPM	11.703.647	3.208.002
PHC	785.405	225.239
TDH	2.048.329	614.953
KDH	17.696.873	5.338.069
SCS	736.502	225.294
PC1	9.564.397	3.328.369
FRT	2.212.143	773.813
HHP	537.247	194.327

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
HBS	471.341	75.441
HLD	164.678	64.470
MBG	649.121	273.643
TTH	666.717	317.708
NRC	1.930.884	987.818
PGN	382.900	203.150
DST	137.401	77.971
VFS	3.383.745	2.194.652
SVN	337.963	226.476
CEO	28.452.060	19.200.489

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
ACV	1.270.320	615.880
CTX	209.649	126.009
AMS	129.200	82.360
HU4	123.107	85.869
AAH	1.270.232	1.051.728
HNG	3.151.885	2.690.519
CLX	94.121	82.901
C92	59.757	52.777
G36	916.259	816.362
HNM	384.300	346.218

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.739,0		25,9	2,6	9,5
SSI	3.029,0	62,1	24,6	2,8	11,4
VIX	2.092,5	87,7	26,0	3,1	12,4
VND	1.293,6	85,2	22,6	1,7	7,6
VCI	1.188,4	73,7	31,8	2,5	7,8
HCM	1.091,4	12,8	24,8	2,8	8,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	541,3		13,9	1,6	12,3
BVH	1.553,8	21,9	16,9	1,7	10,5
PVI	647,2	42,4	17,9	2,0	11,9
BIC	214,9	7,2	10,4	1,9	18,5
VNR	154,9	22,7	12,9	1,0	8,2
MIG	135,7	83,8	11,5	1,4	12,5

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.125,8		24,6	4,0	19,2
ACV	7.619,6	46,2	20,4	3,2	16,2
MVN	2.380,8	0,0	39,9	4,8	12,4
VEA	1.973,8	47,4	6,9	1,8	26,6
GEX	1.895,7	42,4	32,0	3,4	11,1
GEE	1.759,3	49,5	23,6	6,8	29,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.517,8		20,0	4,1	24,3
MCH	5.152,5	34,3	14,3	8,1	50,1
VNM	4.746,3	50,9	14,6	4,0	26,6
MSN	4.433,0	75,5	43,5	3,6	9,2
SAB	2.194,2	41,7	14,2	2,7	17,5
PNJ	1.062,8	0,1	13,6	2,4	18,1

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.242,2		-308,4	1,2	5,0
BSR	3.074,7	48,5	-1.628,8	1,4	-0,1
PLX	1.644,7	4,2	20,6	1,7	8,2
PVS	593,4	38,9	12,4	1,1	9,3
PVD	463,9	45,3	15,4	0,7	5,0
OIL	434,3	5,9	38,4	1,1	2,9

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.949,4		17,9	2,0	12,9
GAS	5.516,4	47,3	12,1	2,2	19,4
REE	1.342,9	0,0	14,8	1,8	12,6
POW	1.272,0	46,5	22,6	1,0	4,6
PGV	893,0	50,0	22,6	1,6	7,1
DNH	722,7	0,0	17,5	3,7	20,8

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	9.981,8		44,3	5,6	11,5
VIC	25.506,9	44,4	50,2	4,7	9,6
VHM	16.013,0	40,5	14,8	2,0	14,7
KSF	3.007,2	50,0	121,1	16,4	4,8
VRE	2.760,8	32,0	16,6	1,7	10,4
BCM	2.620,8	31,8	19,1	3,3	18,2

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	12.011,1		12,3	1,9	16,3
VCB	19.608,3	8,4	15,0	2,4	17,2
BID	10.630,4	12,6	10,9	1,8	17,6
CTG	10.325,3	3,7	9,1	1,7	20,0
TCB	10.151,9	0,1	12,5	1,7	14,3
VPB	9.339,3	5,7	14,2	1,7	12,2

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.528,2		33,1	-1,9	-11,2
VPL	5.443,7	48,9	54,7	4,6	0,0
MWG	4.348,1	2,1	23,5	3,9	17,0
HVN	4.122,0	20,5	9,1	-29,0	-107,6
VJC	2.902,1	23,0	37,8	3,2	9,9
FRT	825,1	18,5	40,5	7,6	24,9

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.517,8		20,0	4,1	24,3
HPG	5.152,5	30,0	14,3	8,1	50,1
GVR	4.746,3	12,6	14,6	4,0	26,6
DGC	4.433,0	36,6	43,5	3,6	9,2
KSV	2.194,2	0,0	14,2	2,7	17,5
MSR	1.062,8	100,0	13,6	2,4	18,1

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.242,2		-308,4	1,2	5,0
DHG	3.074,7	46,1	-1.628,8	1,4	-0,1
IMP	1.644,7	26,5	20,6	1,7	8,2
DBD	593,4	84,8	12,4	1,1	9,3
DVN	463,9	0,0	15,4	0,7	5,0
DTP	434,3	0,0	38,4	1,1	2,9

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.949,4		17,9	2,0	12,9
FPT	5.516,4	12,3	12,1	2,2	19,4
CMG	1.342,9	11,6	14,8	1,8	12,6
SAM	1.272,0	48,4	22,6	1,0	4,6
SGT	893,0	-5,5	22,6	1,6	7,1
ELC	722,7	46,1	17,5	3,7	20,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

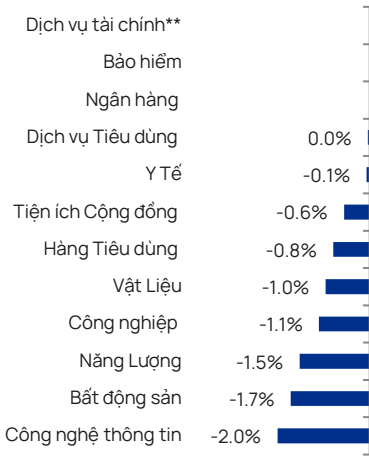
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

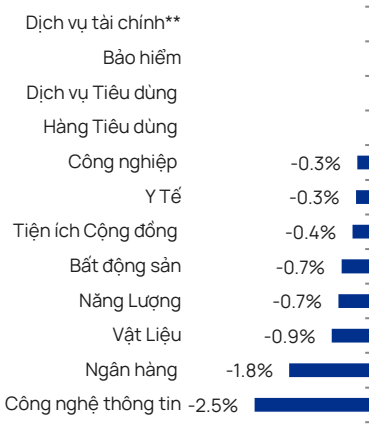
Diễn biến hàng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

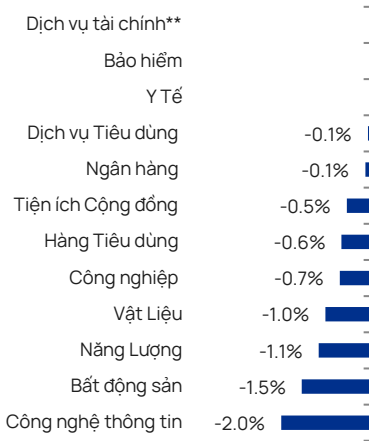


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



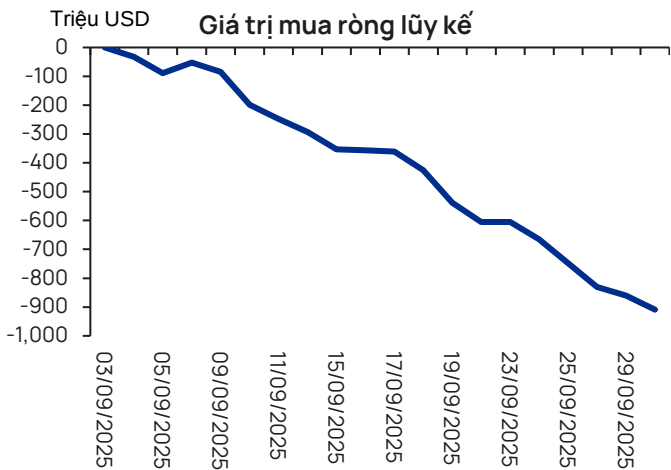
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



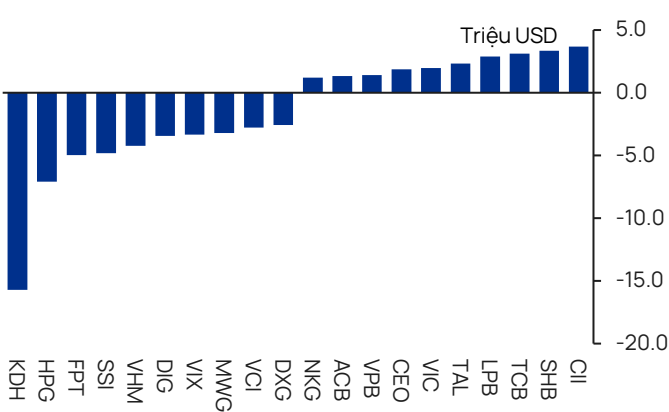
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



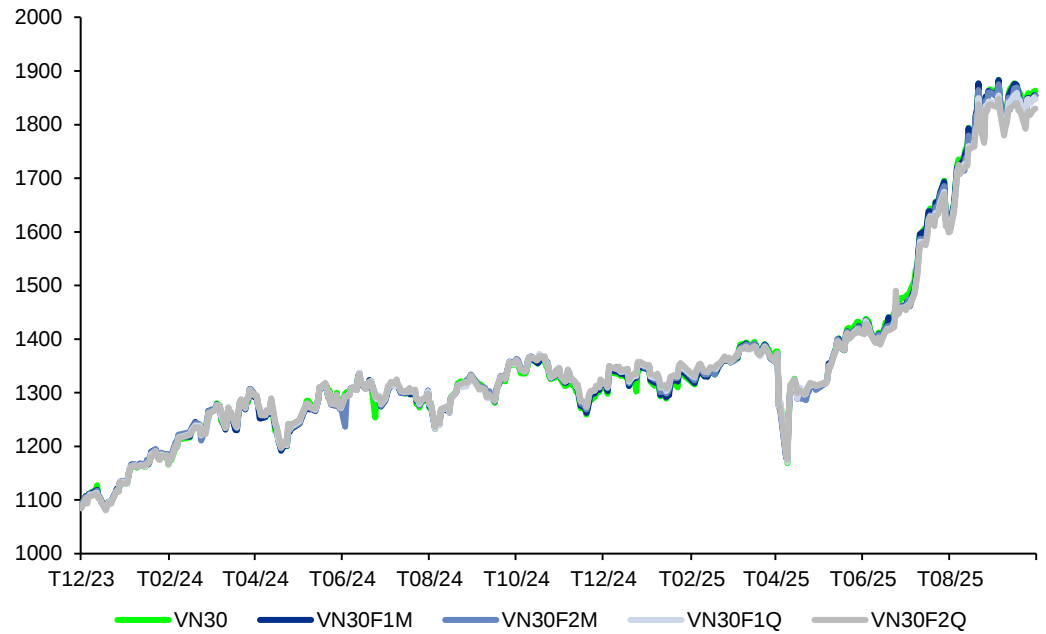
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
41I1FA000	1.854,4	-0,8	0,0%	-8,7
41I1FB000	1.853,6	2,6	0,1%	-9,5
VN30F2512	1.847,3	-3,7	-0,2%	-15,8
41IG3000	1.830,0	0,8	0,0%	-33,1

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	% Δ
41I1FA000	32.788	-13,1%	295,72	10,1%
41I1FB000	783	0,9%	0,41	-34,9%
VN30F2512	1.420	-0,4%	0,23	23,0%
41IG3000	306	2,0%	0,09	8,0%

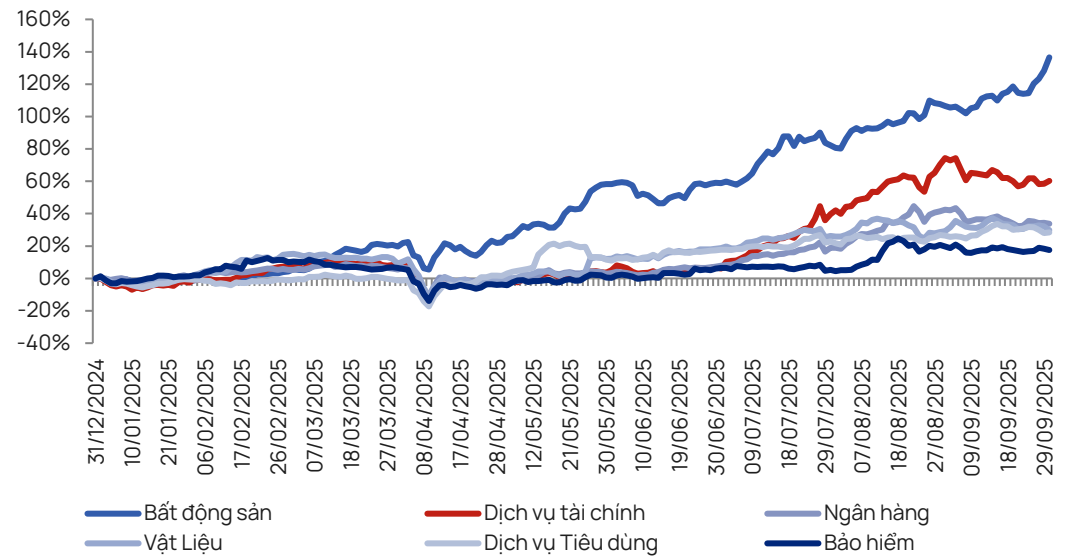


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

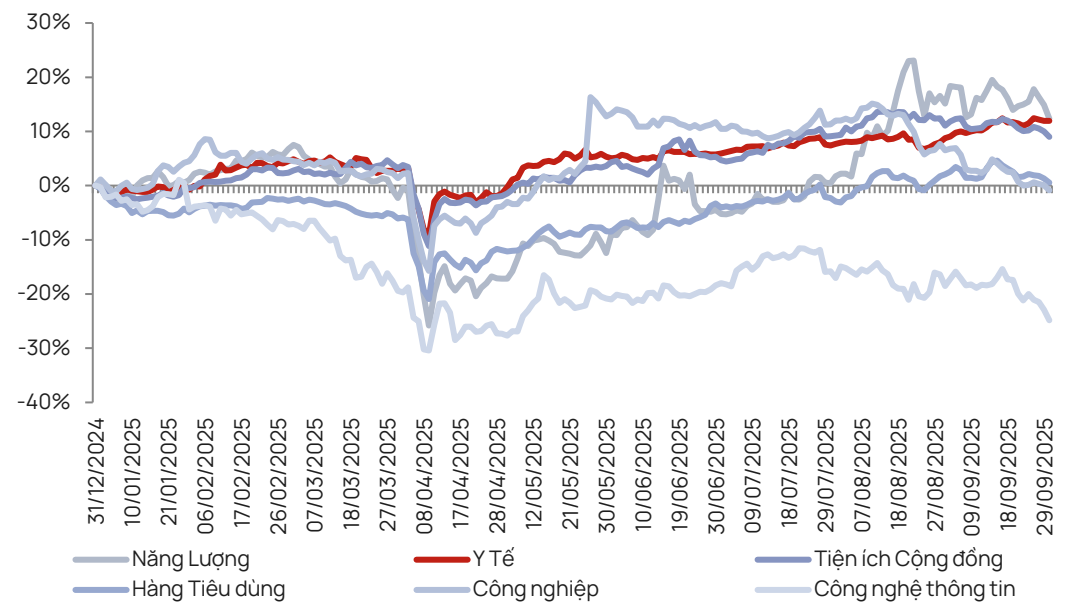
Ghi chú: VN30F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 VN30F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 VN30F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 VN30F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



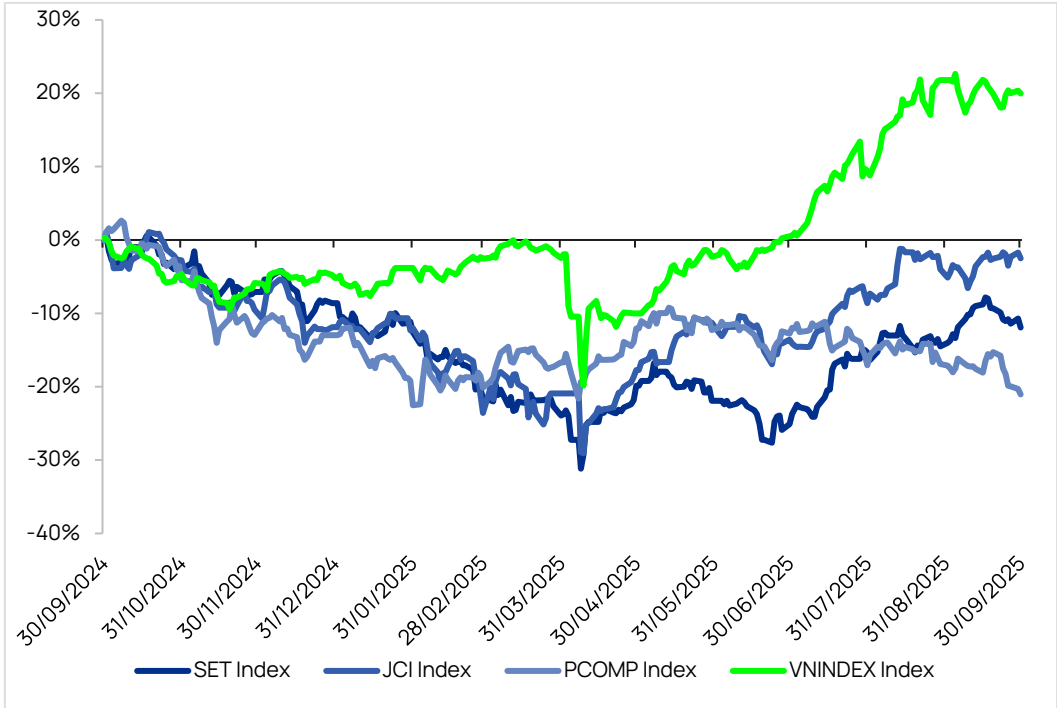
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



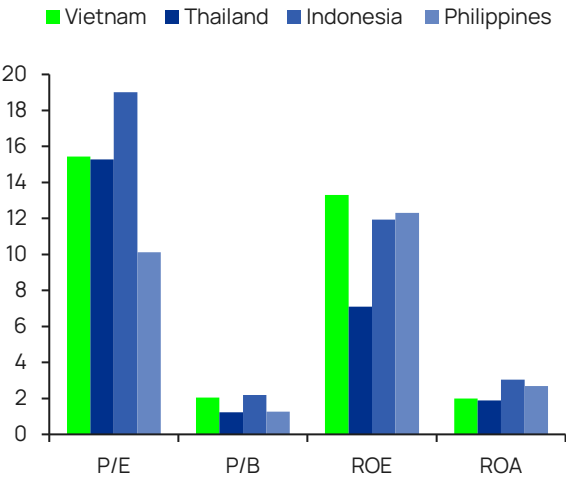
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	15,3	19,0	10,1	15,4
P/B	1,2	2,2	1,3	2,1
ROE (%)	7,1	11,9	12,3	13,3
ROA (%)	1,9	3,0	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	498,8	892,0	149,1	272,5
GTGD trung bình, tr USD	1.213,7	744,4	78,4	807,7
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-2.764,5	-3.205,4	-616,9	-3.676,7
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	28,4	(22,8)	(13,0)	(236,4)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,25%	5,55%	5,85%	3,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thủy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.